

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1765/QĐ-BVĐK ngày 22/7/2024 của Bệnh viện ĐK tỉnh Ninh Bình)

DVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu - chi sự nghiệp tại đơn vị				
1	Số thu sự nghiệp	828.962	438.613	52,91	122,84
	Thu giá viện phí	713.352	391.567	54,89	126,62
	Thu từ BHYT	589.443	296.089	50,23	125,84
	Thu trực tiếp từ bệnh nhân	123.910	95.478	77,05	129,10
1.2	Thu khác	115.610	47.046		98,40
	Nhà thuốc		42.100		95,12
	Thu hoạt động khác		4.946		139,25
2	Chi từ nguồn thu sự nghiệp tại đơn vị	828.962	345.239	41,65	122
2.1	Chi sự nghiệp y tế	664.283	276.682	41,65	122
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên. Trong đó:	664.283	276.682		
	- Chi cho con người	123.006	65.279		
	- Chi mua sắm hàng hóa dịch vụ	36.206	153.810		
	- Chi mua sắm TS, s/c phục vụ chuyên môn	410.826	5.514		
	- Chi nhà thuốc	83.019	31.612		
	- Chi khác	5.657	18.014		
	- Nộp ngân sách, lãi vay ODA	5.569	2.454		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính	164.679	68.557	41,63	122
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ. Trong đó:	164.679	68.557		
	- Chi cho con người	30.752	16.320		
	- Chi mua sắm hàng hóa dịch vụ	9.052	38.452		
	- Chi mua sắm, s/c phục vụ chuyên môn	102.706	1.379		
	- Chi nhà thuốc	20.755	7.903		
	- Chi khác	1.414	4.503		
	- Nộp ngân sách				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				-